

ĐẠO LÀM NGƯỜI THEO TINH THẦN NHO HỌC Ở CHU VĂN AN

NGUYỄN BÁ CƯỜNG (*)

Bài viết tập trung làm sáng tỏ đạo làm người ở Chu Văn An thể hiện qua tính cách kẻ sĩ của ông. Theo tác giả, Chu Văn An là nhà nho sống có lý tưởng, ông hành đạo để “chính sự và giáo hóa được đời mới”. Suốt đời ông cống hiến cho sự nghiệp giáo dục, đạo làm người mà ông thực hiện và giáo dục học trò là đạo làm người theo tinh thần Nho giáo. Với cốt cách thanh cao, tinh thần trong sáng, trí tuệ sâu sắc và đạo học vững vàng, ông là một nhân cách lớn, đứng đầu trong lịch sử giáo dục Nho học nước nhà.

Trong nhiều năm gần đây, Nho giáo (hay Nho học) Việt Nam được quan tâm nghiên cứu trên nhiều phương diện, đặc biệt là đóng góp của nó đối với truyền thống văn hóa, tư tưởng và giáo dục của dân tộc. Truyền thống giáo dục nước ta được khơi nguồn từ tinh thần hiếu học của dân tộc, được khích lệ bởi sự phát triển của khoa cử theo tinh thần Nho học trong các triều đại phong kiến và kết tinh trong tư tưởng, nhân cách của nhiều nhà nho tiêu biểu, như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Đức Đạt, Đặng Huy Trứ, Phan Bội Châu, v.v.. Trong đó, **Chu Văn An** được coi là một trong những tấm gương tiêu biểu nhất của nền giáo dục Nho học Việt Nam. Nguyên nhân đưa Chu Văn An đến vị trí đó phải chăng chính là bởi những cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và nhân cách của ông với tư cách một hình mẫu tiêu biểu của *đạo làm người*. Và, phải chăng *đạo làm người* mà ông đề xướng và thực hiện không chỉ là tấm gương cho nhà nho, nhà giáo, mà còn là tấm gương soi chung cho mọi người, tùy theo từng mối quan hệ xã hội nhất định và trong hoàn cảnh lịch sử - cụ thể? Bởi vậy, nghiên cứu những vấn đề trên không chỉ có ý nghĩa đối với việc khẳng định vị trí của Chu Văn An trong tâm thức dân tộc với tư cách một người thầy tiêu biểu, mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng con người Việt Nam mới hiện nay.

Chu Văn An (còn gọi là Chu An, 1292 - 1370), tự là Linh Triệt, hiệu là Tiều Ân, người thôn Văn, xã Quang Liệt, huyện Long Đàm (Thanh Đàm, sau đổi là Thanh Trì), nay thuộc xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Trong lịch sử giáo dục Việt Nam thời Trung đại, Chu Văn An đã giành được địa vị cao quý bậc nhất. Có lẽ ông là người duy nhất trong thời phong kiến nước ta, do việc tự học, tự dạy học mà được triều đình mời ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám - một chức lãnh đạo ngôi trường cấp cao nhất nước ta và cũng là chức quan trông coi việc Quốc học. Trần Nguyên Đán (1325 - 1390), danh sĩ đời Trần, ông ngoại Nguyễn Trãi) khẳng định vai trò của Chu Văn An đối với giáo dục đương thời: “Xoay làn sóng biển học làm cho phong tục trở lại thuần hậu. Nhà trường có được bậc đạo đức như Thái Sơn, Bắc Đẩu đến dạy. Đọc hết kinh, xem rộng sử, công phu rất lớn. Kính đạo Lão, sùng

đạo Nho, chính sự và giáo hoá được đổi mới”(1). Khi ông mất, vua Trần Nghệ Tông (1321 - 1394) ban tặng tên thụy cho ông là *Văn Trinh*(2), sai bề tôi đến tế lễ và cho được thờ ở Văn Miếu. Nhà văn Hồ Nguyên Trừng (1374 - 1446), sống sau Chu Văn An không lâu đánh giá ông là con người “cứng rắn và ngay thẳng” (*ngạnh trực*)... “thanh cao, nghiêm chính nổi tiếng một thời, lẫm liệt đến thế. Thật là một con người thiên vậy”(3). Sử gia Phan Huy Chú (1782 - 1840) khẳng định Chu Văn An “đứng đầu bậc danh Nho” có đức nghiệp, “học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, được thời ấy suy tôn, thời sau ngưỡng mộ. Tìm trong làng nho ở nước Việt ta, từ trước đến nay chỉ có mình ông, các ông khác thực không thể so sánh được”(4). Như vậy, đức nghiệp của Chu Văn An không chỉ được khẳng định trong lịch sử mà đối với giáo dục Việt Nam hiện nay, ông cũng được coi là Người Thầy tiêu biểu về đạo đức, cốt cách và tác phong sư phạm (5).

Nghiên cứu về tư tưởng Chu Văn An là rất khó, bởi những tác phẩm của ông không còn lưu giữ được đầy đủ(6). Tuy nhiên, trong tâm thức dân tộc, qua các di sản văn hóa, sử sách và sự ghi nhận của các trí thức nhiều đời sau, ông luôn được thừa nhận là một nhà giáo dục hành động chứ không phải là một nhà nho thuần túy sách vở. Những thay đổi trong cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng của Chu Văn An không hoàn toàn nói lên ông chỉ là một nhà nho thuần túy, mà còn chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo và Lão - Trang. Nhưng *đạo làm người* mà ông tin theo và hành động thì không còn nghi ngờ gì nữa, đó là *đạo làm người theo tinh thần Nho học*. Từ phương diện trình độ kiến thức về đạo Khổng - Mạnh và sự tiêu biểu về mặt đức nghiệp được người đời khẳng định, *đạo làm người ở Chu Văn An thể hiện rõ tính cách kẻ sĩ*.

1. Sống có lý tưởng

Chu Văn An là nhà nho sống có lý tưởng, xem lý tưởng là trên hết. Lý tưởng đó chính là việc học Nho và thực hành đạo Nho. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* xác nhận, trước khi làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Chu Văn An “ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông, nổi tiếng gần xa, học trò đầy cửa, thường có kẻ đỗ đại khoa, vào chính phủ”(7). Tuy sử gia thời Lê không nói rõ nhưng có thể nhận thấy là ông đã đọc sách thánh hiền đạo Nho, học vấn tinh thông về Nho, học trò theo học ông rất đông cũng là học Nho và vì thế mới có thể đỗ đại khoa mà vào làm quan trong triều(8).

Trong bài *Đề Dương Công Thủy Hoa đình*, Chu Văn An đã nói rõ chí hướng, điều kiện, mục đích và thành quả của việc học đạo và hành đạo. Theo ông, để trở thành người có đức lớn (Thượng nhân), đời hỏi phải có “hiểu biết một cách sáng suốt, có kiến thức cao” (lãng ngộ hữu thức cao). Quá trình đó cần sự nỗ lực hết mình của bản thân để vượt lên khỏi mọi khó khăn của cuộc sống cũng tựa như hoa sen vươn mình khỏi bùn đen để tọa lạc, trụ vững mà tỏa ngát hương sắc. Chỉ những ai có bản lĩnh, có ý chí “sánh đức với sen” (ý dữ liên tử đức) thì người đó mới đạt tới mục đích cuộc sống và được yên vui hưởng thụ những thành quả theo mong muốn của bản thân: “Khát thì nghiêng rót những hạt sương châu để uống. Đói thì lấy những chùm quả bằng ngọc mà ăn” (Khát khuynh châu lộ ẩm, Cơ trích ngọc phòng thực)(9).

Với tinh thần của kẻ sĩ có trách nhiệm với đất nước, Chu Văn An nêu lên mong muốn được thỏa chí phấn đấu và cống hiến vì dân, vì nước. Đồng thời, ông cũng chỉ ra rằng, sự cống hiến của mỗi người chỉ có thể thực hiện được khi xã hội (triều đình) tạo ra

những điều kiện thuận lợi nhất định. Điều này có thể thấy rõ trong các bài thơ: *Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính*, *Cung họa ngự chế động chương*, *Thư vận tặng Thủy Vân Đạo nhân*, *Giang Đình tác*, *Vọng Thái Lăng*,...

Lý tưởng sống theo Nho và hành đạo Nho còn được Chu Văn An thể hiện rõ khi ông nêu cao khí tiết và tư tưởng độc lập trong hành sự của mình: “Chí khí dũng cảm thuở bình sinh như chim ngạc bay ngang trời thu”. Đồng thời, ông cũng thể hiện khí chất thanh cao, bản lĩnh “độc lập” - đứng một mình, tách ra khỏi dòng đời bụi bặm. Ví mình như cây tùng, đóa sen, như phượng hoàng đậu trên ngô đồng, ông nhấn mạnh đến sự cần thiết phải đề cao ý chí tự do và việc giữ gìn khí tiết(10).

Với những nét khái quát trên đây, có thể nói, Chu Văn An là người sống có lý tưởng. Điều đó thể hiện rõ tính cách kẻ sĩ ở ông. Thế nhưng, đối với kẻ sĩ như ông, việc “đề tâm ở đạo” (Sĩ chí ở đạo - *Luận ngữ*, Lý nhân, 9), coi việc hiểu biết về đạo là niềm vui cao nhất (“buổi sáng nghe đạo, buổi chiều chết cũng cam lòng” - *Triều văn đạo*, tịch tử khả hỷ - *Luận ngữ*, Lý nhân, 8) là chưa đủ. Vấn đề là phải hành đạo.

2. Hành đạo để “chính sự và giáo hóa được đời mới”

Như trên đã nói, Chu Văn An học theo Nho và hành đạo Nho. Suốt đời làm giáo dục và chính trong giáo dục, ông thực hiện lý tưởng sống của mình và qua đó, tạo nên nhân cách nhà nho hành động, nhà giáo dục thực tiễn. Để chính sự được đời mới theo hướng có lợi cho dân, ông đã hành động theo đúng tính cách kẻ sĩ. Con đường hành đạo mà ông thực hiện là con đường của nhà nho chân chính.

Kẻ sĩ không vì tham lợi lộc mà bị dụ dỗ (*phú quý bất năng dâm*). Đối với Chu Văn An, làm giáo dục không phải vì mục đích tham công danh phú quý, mà do tự học và tự dạy học tại quê nhà khiến ông trở nên nổi tiếng về nhân cách và trình độ. Đứng trước đề nghị của triều đình giao cho ông chức quan trông coi việc Quốc học, dạy Thái tử, chắc hẳn Chu Văn An phải nghĩ đến danh lợi. Vì mục tiêu mà kẻ sĩ phấn đấu không phải vì danh lợi cá nhân, mà là cái danh lợi có thể thực thi được đạo. “Thấy lợi phải nghĩ đến nghĩa”, “hợp nghĩa thì nhận lợi” (kiến lợi tư nghĩa; nghĩa, nhiên hậu thủ - *Luận ngữ*, Hiến vấn, 13, 14), Chu Văn An nhận chức Tư nghiệp Quốc Tử Giám là vì muốn cho đạo học của mình được truyền dạy cho người trị vì tương lai của đất nước, đồng thời là cơ hội để gây dựng nền giáo dục theo “chính đạo”.

Kẻ sĩ luôn có thái độ cứng rắn, cương nghị trước uy thế của cường quyền (*uy vũ bất năng khuất*). Chu Văn An làm quan trông coi việc giáo dục nhưng không vì thế mà ông lãng quên chức trách của nhà nho - kẻ sĩ: “chịu để tâm đến đạo đức, suy nghĩ tới việc giúp vua nêu đức tốt, cho dân được nhờ ơn”(11). Ông giáo dục học trò phải có tinh thần dũng cảm, tiết tháo cao thượng, trừ hại kẻ gian tà để giúp dân giúp nước, và chính ông đã thực hiện điều đó. Hành động dâng *Thất trăm sớ* đã chứng minh cho tính cách kẻ sĩ của ông không khoan nhượng đối với những kẻ quyền thần gian tham. Cho đến nay, không ai biết nội dung bản sớ đó ra sao, ông đòi vua phải chém đầu những tên quyền thần nào, nhưng bằng hành động “nghĩa động can khôn, nghĩa động quý thần” đó, ông đã giáo dục học trò và người đời (cả nhà vua) một bài học lớn: cần phải nghiêm khắc trừng trị những kẻ hại dân hại nước. Chỉ ba chữ *Thất trăm sớ* đã làm cho người đời khâm phục, kính trọng ông và hành động theo ông để giữ tròn tiết tháo của một người có trách nhiệm với đất nước non sông. Đây không chỉ đơn thuần là hành động mang tính

chính trị mà chính là một sự kiện văn hóa giáo dục lớn đối với đương thời và cả với lịch sử dân tộc sau này. Lê Quý Đôn nhận định: “Chu An dâng sớ chém bọn nịnh thần, làm rung động cả trong triều ngoài quận, rồi cáo quan bỏ mũ về nhà, không chịu tước lộc bó buộc, vua chúa phải tôn trọng, công khanh phải kính phục, đây là bậc thanh cao nhất”(12).

Sử chép rằng, “Sớ dâng lên không được vua trả lời, ông liền treo mũ về quê”. Đây cũng lại là hành động thể hiện rõ tính cách kẻ sĩ ở Chu Văn An. Nhân hành động này của ông mà sử gia Ngô Sĩ Liên đã khái quát lên một hiện tượng mang tính quy luật về mâu thuẫn giữa quân quyền và trí thức ở xã hội phong kiến: “Người hiền được dùng ở đời thường lo người làm vua không thi hành những điều sở học của mình. Người làm vua sử dụng người hiền thường lo người hiền không theo ý muốn của mình. Cho nên vua (sáng) tôi (hiền) gặp nhau, từ xưa vẫn là rất khó”. Việc nhà vua không đáp ứng yêu cầu của ông thì cũng có nghĩa là tiếng nói của kẻ sĩ đại diện cho quyền lợi của dân không được chấp nhận. Chu Văn An treo mũ từ quan thể hiện rõ tính cách kẻ sĩ phải biết đạo “hành” (làm quan) - “tàng” (ở ẩn). Ông xác định khi đạo học không được thi hành thì cái địa vị được triều đình ban cho cũng chỉ vô ích. Một khi đã cương quyết ra đi, ông không bao giờ nghĩ đến việc trở lại chốn danh lợi đó. Thế nên, nhiều lần sau ông từ chối nhận chức, khiến cho Hiến Từ thái hoàng thái hậu phải nói rằng, “Ông ta là người không thể bắt làm tôi được, ta sai bảo thế nào được ông ta”(13). Có thể thấy, đối với kẻ sĩ, không thể dùng quân quyền để thúc ép sự cống hiến của họ, mà phải đi từ những chủ trương, quyết sách đúng đắn, hợp lòng dân.

Chu Văn An là người biết thực hiện đạo “hành - tàng” (ra làm quan, về ở ẩn). Theo Nho gia, “thiên hạ có đạo thì ra làm quan, không có đạo thì đi ở ẩn” (Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn - *Luận ngữ*, Thái Bá, 14). Đối với ông, “tàng” nhưng không “tàng” hẳn, ở ẩn mà vẫn “hành”. “Hành” khi “tàng” ở ông là tiếp tục sự nghiệp giáo dục. Đây cũng là tính cách của nhà nho - kẻ sĩ. Ông vẫn thường dạy học trò rằng, sống trong thời loạn lạc, dẫu có thất thế cũng không được u uất, xa lánh trần tục một cách hoàn toàn mà vẫn phải cứng cỏi trụ vững ở đời, trái tim vẫn chung nhịp với thế cuộc bể dâu. Chính Chu Văn An đã làm gương cho học trò về điều đó. Ông nói: “Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến học núi. Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề cạn sóng” (Thân dữ cô vân trường luyến tú, Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan - *Xuân đán*). Ông miệt mài dạy học, bởi “tác lòng này hẳn chưa nguội lạnh như tro đất, Nghe nói đến Tiên hoàng luống gạt thăm giọt lệ” (Thôn tâm thù vị như hôi thổ, Văn thuyết tiên hoàng lệ ám huy - *Miết tri*)(14).

Thực hiện chí hướng hành đạo không ngừng của thầy, các học trò của Chu Văn An đều đi trên con đường Nho học và trong các tác phẩm của họ đều thể hiện rõ tư tưởng “sùng Nho”. Bởi thế, khi những học trò đang làm quan đến thăm hỏi, ông luôn quan tâm đến chính sự, thường đưa ra nhiều lời dạy bảo, khuyên nhủ khiến họ “lấy làm vui mừng lắm”. Trong điều kiện xã hội khi đó, ông luôn mong mỏi có được vua sáng, tôi hiền: “Cá bơi ao cỏ, rồng ở chốn nào? Mây đầy núi vắng, hạc chẳng thấy về” (Ngư phù cỏ chiếu long hà tại? Vân mãn không sơn hạc bất quy - *Miết tri*). Qua đây, có thể nói, nhà giáo dục không thể không quan tâm đến chính trị, tư tưởng giáo dục và sự nghiệp trồng người luôn có mối quan hệ mật thiết với tư tưởng chính trị và sự nghiệp cải cách

xã hội. Đối với Chu Văn An và nhiều nhà nho trước và sau ông, làm giáo dục mà nêu lên yêu cầu cải biến xã hội cũng là điều cần thiết và hợp lý; bởi, mục đích cao nhất của giáo dục là đào tạo nên những con người thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Tính cách kẻ sĩ của Chu Văn An còn thể hiện rõ trong việc làm cho “*giáo hóa được đổi mới*”. Ông chính là hiện thân của một nhà sư phạm mẫu mực.

Chu Văn An quan niệm *vai trò của nhà nho* (nhà giáo dục) trước hết phải có nhiệm vụ gây dựng sự thành đạt cho người khác, phải vì dân mà cố gắng, để lại sự nghiệp cho hậu thế. Ông đã từng dạy học trò: “Phàm học thành đạt cho mình là để thành đạt cho người, công đức tới dân, ân huệ để lại đời sau, đây đều là phận sự của nhà nho chúng ta”. Với quan điểm đó, cùng với thực tiễn giáo dục của mình, ông đã thực hiện triết lý giáo dục của Khổng Tử: “mình muốn lập thì cũng lo cho người được lập, mình muốn thành đạt thì cũng lo cho người thành đạt” (*Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân - Luận ngữ*, Ung dã, 28]. Chu Văn An đã đem “cái học tinh túy chân chính”, “học vấn về chính đạo” và “đạo đức làm khuôn mẫu” để góp phần xây dựng nền giáo dục chính thống đương thời. Với chủ trương *dạy học phải theo sát thực tế đời sống của nhân dân*, ông hướng học trò phấn đấu đạt tới “bậc chí sĩ nhân nhân” và yêu cầu phải biết tôn trọng, kính yêu và sống có trách nhiệm chăm lo đến đời sống của người dân lao động, nếu cần phải hy sinh tính mạng bản thân để cứu dân thì cũng là việc nên làm (hữu sát thân dĩ thành nhân - *Luận ngữ*, Vệ Linh Công, 8)(15). Tính cách kẻ sĩ trong nhà giáo Chu Văn An cũng là ở đó.

Vào thời Trần, đã có một số trường học công do triều đình mở ở kinh đô (Quốc Tử Giám) hay ở phủ Thiên Trường,... Nhưng phần lớn các trường này chỉ dành cho con em quý tộc. Trong khi đó, với truyền thống hiếu học của người Việt, nhiều con em nhà nghèo có ý chí trau dồi kinh sử để thi thố tài năng giúp nước. Chu Văn An đã mở trường tư thực Huỳnh Cung ở quê nhà để thu nhận học trò nghèo. Đây là minh chứng cho việc thực hiện chủ trương *giáo dục không phân biệt đối tượng* mà Khổng Tử đã nêu lên (*hữu giáo vô loại - Luận ngữ*, Vệ Linh Công, 38). Ông dạy nhiều hạng người: Thái tử Trần Vương (sau là vua Trần Hiến Tông); các học trò đỗ đạt cao, làm quan trong triều (Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,...) và nhiều học trò khác (trung truyền có tới hơn ba nghìn người); thậm chí theo huyền tích, có cả con vua Thủy vùng đầm Long Đàm cũng hiện thành người theo học. Điều này đã chứng tỏ uy tín và đạo hạnh của ông vượt ra khỏi cả sự lưu truyền thần thế để đến với thế giới thần linh. Với việc mở trường tư dạy học, ông đã góp phần làm cho không khí học tập cuối thời Trần trở nên sôi nổi(16).

Suốt cuộc đời Chu Văn An luôn gắn bó, tận tụy với nghề dạy học, không vì ham công danh, phú quý mà quên đi công việc “dạy chữ, dựng người”. Qua sử sách các đời sau ghi lại, ông đã thực hiện *phương pháp sư phạm mẫu mực*, đó là “làm Thầy phải nghiêm”. Đối với ông, nghiêm không phải là dữ đòn để cho học trò sợ, mà là thái độ nghiêm trang, mẫu mực trong giáo dục, là việc giảng dạy chặt chẽ, có quy củ, kỷ cương. *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Kẻ nào xấu thì ông nghiêm khắc trách mắng, thậm chí la hét không cho vào. Ông là người trong sạch, thẳng thắn, nghiêm nghị, lắm liệt đáng sợ đến như vậy đấy”. Trong quá trình dạy học, ông đã *biên soạn sách để giúp người học có được tài liệu học tập*. Đây là một điểm mới trong cách quan niệm về nội dung, phương

pháp và thực tiễn giáo dục của ông và cũng là điểm mới trong lịch sử giáo dục nước ta. Trong số các sách kinh điển Nho gia, ông soạn *Tứ Thư thuyết ước* để giới thiệu, giảng giải một cách tóm lược về *Tứ Thư*(17). Có thể đây là bộ sách đầu tiên luận giải về Nho học một cách có hệ thống ở nước ta. Cuốn sách đã thất lạc nên không rõ ông đã bàn những gì về nội dung. Chính vì thế, người đời sau đã đưa ra những đánh giá mang tính phỏng đoán về bộ sách này cũng như tác dụng của nó đối với đương thời và lịch sử Nho học Việt Nam(18). Nhưng chỉ xét riêng việc soạn cuốn sách này, thì có thể coi Chu Văn An là nhà giáo khi giảng dạy đã có giáo trình và nhờ đó, ông đã gây ảnh hưởng to lớn không chỉ trong lĩnh vực giáo dục, mà cả trong văn hóa, tư tưởng và chính trị đương thời. Ngoài ra, việc Chu Văn An sáng tác thi ca cũng nhằm mục đích bồi dưỡng thêm tinh thần và kiến thức sâu rộng cho học trò, đặc biệt là tinh thần phụng sự đất nước và tư tưởng sống hài hòa với thiên nhiên. Việc ông viết sách không chỉ đơn giản là để làm tài liệu học tập cho học trò mà cao hơn cả là qua đó, để gìn giữ và khuếch trương di sản văn hóa của dân tộc (dùng chữ Nôm), khẳng định sự độc lập về văn tự đối với nền văn hóa Hán. Cũng trong các tác phẩm ấy, để thể hiện rõ tính chất dân tộc trong văn hóa, thi ca, ông không hề vay mượn những điển tích ngoại lai mà chỉ miêu tả những gì hiện thực trước mắt, những cảnh đẹp thiên nhiên và con người Đại Việt. Đây là phong cách đặc biệt trong các nhà nho Việt Nam, tiêu biểu là nhà nho - kẻ sĩ Chu Văn An.

Tấm gương về tính cách kẻ sĩ ở nhà giáo dục Chu Văn An, theo nhận định của sử gia Ngô Sĩ Liên, đã góp phần tích cực cải tạo đạo đức xã hội: “Hãy lấy Văn Trinh mà nói, thờ vua tất thẳng thắn can ngăn, xuất xử thì làm theo nghĩa lý, đào tạo nhân tài thì công khanh đều ở cửa ông mà ra, tiết tháo cao thượng thì thiên tử cũng không thể bắt làm tôi được. Huống chi tư thế đường hoàng mà đạo làm thầy được nghiêm, giọng nói lẫm liệt mà bọn nịnh hót phải sợ. Ngàn năm về sau, nghe phong độ của ông, há không làm cho kẻ điêu ngoa thành liêm chính, người yếu hèn biết tự lập được hay sao?... Ông thực đáng được coi là ông tổ của các nhà nho nước Việt ta mà thờ vào Văn Miếu”.

Tóm lại, Chu Văn An có thể được coi là người đã suốt đời cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Đạo làm người mà ông thực hiện và giáo dục học trò là đạo làm người theo tinh thần Nho học. Tính cách kẻ sĩ ở ông tiêu biểu cho tính cách kẻ sĩ của các nhà nho, nhà giáo dục Việt Nam thời Trung đại. Điều cần nhận thấy trong thực tiễn giáo dục của ông chính là việc thực thi tư tưởng “hữu giáo vô loại”, đem đạo lý Nho gia và cả phương pháp sư phạm mẫu mực truyền dạy cho các thế hệ học trò nhằm biến đổi thời cuộc có lợi cho dân. Tiếc rằng, nhà Trần suy vong, một mình ông không thể cưỡng lại được bánh xe lịch sử. Với cốt cách thanh cao, tinh thần trong sáng, trí tuệ sâu sắc và đạo học vững vàng, ông là một nhân cách lớn, đứng đầu trong lịch sử giáo dục Nho học nước nhà. Ông xứng đáng được tôn vinh là “Bậc Tiên Triết như núi cao cho mọi người trông thấy, như đường lớn cho mọi người noi theo” (Bùi Huy Bích). Tấm gương người thầy vĩ đại Chu Văn An vẫn luôn in đậm trong tâm trí người dân Việt Nam như lời khẳng định của Cao Bá Quát trong bài *Vịnh Chu An*: “Trời đất soi chung vàng hào khí,/ Nước non còn mãi nếp cao phong”. □

(*) Giảng viên khoa Giáo dục chính trị, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

(1) Viện Văn học. *Thơ văn Lý - Trần*. t.III. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.164.

- (2) Theo Ngô Thế Vinh (1803-1856), trong bài văn bia ở đền mới thờ Chu Văn An trên núi Phụng Hoàng (Phụng Sơn - huyện Chí Linh, Hải Dương) đã giải thích ý nghĩa hai chữ tên thụy *Văn Trinh*: “Thụy bằng chữ *Văn* ấy là đức (Văn tiêu biểu), thụy bằng chữ *Trinh* ấy là đức chính bền vững”. Xem: Viện Triết học. *Văn Miếu bi ký, Chu Văn Trinh tiên sinh hành trạng, Tiên chính cách ngôn* (bản viết tay). Nguyễn Bích Ngô dịch, Võ Khắc Triển hiệu đính, 1962. Ký hiệu: H 103, tr.39.
- (3) Viện Văn học. *Thơ văn Lý - Trần*. Sđd., tr.696.
- (4) Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. t.I (Tổ biên dịch Viện Sử học dịch và chú giải). Nxb Giáo dục, 2006, tr.436.
- (5) Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, để tưởng nhớ tới đạo đức và sự nghiệp của Chu Văn An, nhân dân Thủ đô đã lấy tên ông để đặt tên cho một đường phố và một ngôi trường trung học nổi tiếng (thường gọi là Trường Bưởi) của Hà Nội. Năm 2000, Nhà nước đã cho tạc tượng ông để thờ tại nhà Thái học - Quốc Tử Giám (Hà Nội), nhằm khuyến khích và phát huy truyền thống văn hiến của dân tộc. Ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, nhiều trường học (tiểu học, trung học, đại học) và nhiều đường phố (nơi có các cơ sở giáo dục và đào tạo) được mang tên Chu Văn An.
- (6) Theo *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Chu Văn An có các tác phẩm: *Thất trăm số, Tứ Thư thuyết ước, Tiễn Ấn thi tập, Tiễn Ấn quốc ngữ thi tập*,... Nay chỉ mới tìm thấy 12 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*, được dịch, in trong *Thơ văn Lý - Trần*. Sđd., tr.53-66.
- (7) *Đại Việt sử ký toàn thư*. t.II (Hoàng Văn Lâu dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr.151-152.
- (8) Tình hình giáo dục, khoa cử thời Trần được Phan Huy Chú nhận xét: “Đến đời nhà Trần, kế tiếp mở rộng đường khoa cử, (...) phép thi ngày thêm tường bị. Bấy giờ người tài giỏi sinh ra nhiều, người văn học chen vai nhau, như thế đủ thấy thành hiệu của việc dùng khoa cử lấy nhân tài”. Xem: Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Sđd., tr.10.
- (9) Viện Văn học. *Thơ văn Lý - Trần*. Sđd., tr.55.
- (10) Viện Văn học. *Thơ văn Lý - Trần*. Sđd., tr.59,60,63,65.
- (11) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., tr.152.
- (12) Lê Quý Đôn. *Toàn tập*. t.II - *Kiến văn tiểu lục*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.257.
- (13) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd., tr.152.
- (14) Viện Văn học. *Thơ văn Lý - Trần*. Sđd., tr.62,62.
- (15) Theo huyền tích *Thần Giải*, trong khi dạy học ở trường Huỳnh Cung, gặp phải năm trời đại hạn, thầy Chu nói với một học trò mà ông mới được biết là con vua Thủy đằm Long Đầm, đem tài năng cầu trời làm mưa để cứu dân. Người học trò ấy đã hi sinh thân mình (vì trái với thiên định) vẫy mực lên trời làm mưa cứu cho dân qua khỏi đại hạn đói khát. Xem: Viện Triết học. *Văn Miếu bi ký, Chu Văn Trinh tiên sinh hành trạng, Tiên chính cách ngôn*, Sđd., tr.10. Tuy câu chuyện có tính chất huyền hoặc nhưng qua đó cho thấy sự lưu truyền về cách dạy học của ông gắn với thực tế đời sống.
- (16) “Trường học của Chu An có thể nói sau này đã đã gây nên một học phái riêng trong làng nho để ảnh hưởng về sau nhiều lắm”. Xem: Nguyễn Đông Chi. *Việt Nam cổ văn học sử*. Hàn Thuyên xuất bản cục, 1942. tr.163.
- (17) *Tứ Thư* là bộ sách do Chu Hy (1130-1200) nhà Lý học thời Tống biên soạn, lựa chọn từ các sách kinh điển của Nho gia tiên Tần (còn gọi là *Tứ Thư tập chú*). Qua việc soạn *Tứ Thư thuyết ước*, chắc chắn Chu Văn An có chịu ảnh hưởng Lý học Tống Nho nhưng vẫn trên nền tảng tư tưởng của Khổng - Mạnh.
- (18) **Về nội dung cuốn sách**, theo Nguyễn Đông Chi: “có một điều đáng chắc rằng chủ nghĩa của ông là thực hành chứ không nói suông như Tống Nho... Xem thuyết của học trò thì biết của thầy, lấy “minh đạo hóa dân” làm chủ nghĩa, lấy “xấu hổ không bằng người” làm tinh thần” (sđd.,tr.164); theo Lê Hữu Mục: “Căn cứ trên nhan đề của tác phẩm cũng đủ thấy rằng tác giả không muốn cùng lý ở chỗ phồn văn mà chỉ muốn chú trọng về thực hành, lấy điều minh đạo hoá dân làm gốc. Tinh thần trọng thực hành ấy chắc chắn đã thúc đẩy tác giả quan niệm và giải quyết những vấn đề mà Nho giáo đã đặt ra trong thực tế chính trị và văn hoá Việt Nam, hun đúc tinh thần độc lập, tự cường mà nho sĩ cần phải có trong sinh hoạt hằng ngày”. Xem: Lê Hữu Mục. *Kể sử Chu An (1292-1370)* <http://tntt.free.fr/archive/LeHuuMuc%20ChuAn.html>. **Về tác dụng của cuốn sách**, theo Huỳnh Thúc Kháng (trong bài *Lối học khoa cử và lối học của Tống Nho có phải là đạo Khổng Mạnh không?*, Báo *Tiếng Dân* ngày 17-4-1929): Việc Chu Văn An soạn *Tứ Thư thuyết ước* và dạy học trò nhiều thành tựu, là “điều xuất sắc trong học giới” ở thời đại nhà Trần và được coi là “Lý học” nước Nam; theo Nguyễn Trọng Thuật (trong bài *Điều đình cái án quốc học*, Báo *Nam phong* số 167 tháng 12-1931): Riêng về học thuyết, ta cũng lại có phần sáng tạo riêng: thí dụ về Nho học,... ta vẫn có những học phái như phái Chu An đời Trần, phái Hồ học đời Hồ”. Xem: Nhiều tác giả. *Luận về Quốc học*. Nxb Đà Nẵng và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 1999, tr.262-263, 642.